TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CAO LÃNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 22-9-2017
V/v Ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Ngọc Châu.

2. Bà Hồ Thị Mai Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Tấn Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 22 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 444/2017/TLST-HNGĐ, ngày 24 tháng 7 năm 2017 về "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2017/QĐXX-ST, ngày 24 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 06 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Lê Nguyễn Kim N, sinh năm 1996 (có mặt).

Địa chỉ: tổ 20, ấp BL, xã BT, huyện CL, Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Nguyễn Chí T, sinh năm 1997 (vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 21, ấp BL, xã BT, huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30/6/2017, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Lê Nguyễn Kim N trình bày:

- Về hôn nhân: Chị N và anh T tổ chức đám cưới vào năm 2016, không đăng ký kết hôn.

Khi sống chung thì giữa chị N và anh T thường xảy ra mâu thuẫn, anh T đánh chị rất nhiều lần kể cả khi chị đang mang thai. Chị N nghĩ rằng sau khi có con thì anh T sẽ có trách nhiệm hơn. Tuy nhiên, anh T vẫn không thay đổi mà còn đánh

chị nhiều lần, làm ảnh hưởng sức khỏe và tinh thần của chị N. Do đó, chị N đã về nhà cha mẹ ruột sống hơn sáu tháng nay. Nhận thấy không thể hàn gắn tình cảm nên nay chị N yêu cầu ly hôn với anh T.

- Về nuôi con: Chị N và anh T có một con chung tên Lê Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 28/11/2016 đang do chị N nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung.

Tại phiên hòa giải, chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, chị N thay đổi ý kiến, chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng mỗi tháng là ½ tháng lương cơ sở đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về chia tài sản khi ly hôn:

Khi tổ chức đám cưới thì gia đình anh T có cho 10 chỉ vàng 24K (vàng 9,8 tuổi). Đây là tài sản chung của vợ chồng, hiện do anh T quản lý. Khi ly hôn chị N yêu cầu chia đôi, chị được nhận 05 chỉ vàng 24K (vàng 9,8 tuổi).

Ngoài ra trong đám cưới, gia đình chồng có cho riêng chị N một bộ vòng simen có trọng lượng 07 chỉ vàng 18K. Khi sinh con thiếu tiền nên chị N đã bán để trang trải. Do đây là tài sản riêng của chị N nên chị không đồng ý chia theo yêu cầu của anh T.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Tại phiên hòa giải, bị đơn là anh Nguyễn Chí T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T thống nhất với lời trình bày của chị N về thời gian tổ chức đám cưới, việc không đăng ký kết hôn và mâu thuẫn trong quá trình chung sống là đúng. Nay anh T đồng ý ly hôn với chị N do không thể hàn gắn tình cảm.

- Về nuôi con: Anh T thống nhất vợ chồng có một con chung. Khi ly hôn thì anh T đồng ý để chị N được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 28/11/2016, anh T không cấp dưỡng nuôi con do chị N không yêu cầu.

- Về chia tài sản khi ly hôn:

Anh T thống nhất chia đôi tài sản chung là 10 chỉ vàng 24K (vàng 9,8 tuổi), anh T đồng ý giao lại cho chị N 05 chỉ vàng 24K (vàng 9,8 tuổi).

Ngoài ra, trong đám cưới mẹ anh T có cho chị N một bộ vòng simen trọng lượng 07 chỉ vàng 18K, hiện chị N đang quản lý. Nay anh T yêu cầu chia đôi, anh được nhận 3,5 chỉ vàng 18K.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

- 01 Giấy khai sinh con chung tên Lê Nguyễn Ngọc T sinh ngày 28/11/2016 (bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị N và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là về ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn, địa chỉ của bị đơn tại huyện Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh quy định tại khoản 1, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 174/2017/QĐXX-ST, ngày 24 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 96/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 06 tháng 9 năm 2017 cho anh Nguyễn Chí T là bị đơn trong vụ kiện nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày 06 tháng 9 năm 2017 thì Hội thẩm nhân dân là bà Hồ Thị Mai Hương và bà Lương Thị Kim Vân. Tuy nhiên, do bà Vân bận công tác đột xuất nên Hội thẩm thay thế là Lê Thị Ngọc Châu. Đương sự có mặt tại phiên tòa đồng ý với sự thay đổi Hội thẩm nhân dân nên Hội đồng xét xử vẫn tiếp tục xét xử.

Về nội dung:

- Về hôn nhân: Chị N và anh T tổ chức đám cưới vào năm 2016 khi anh T chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định tại Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không đủ điều kiện kết hôn. Đến nay, khi đã đủ tuổi thì anh T và chị N vẫn không tiến hành đăng ký kết hôn mà quá trình sống chung đã nảy sinh mâu thuẫn, dẫn đến chị N xin ly hôn. Do đó giữa chị N và anh T không phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Căn cứ quy định tại khoản 1, Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình 2014, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh T.

- Về nuôi con: Tại phiên hòa giải thì chị N và anh T thống nhất có 01 con chung tên Lê Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 28/11/2016 hiện do chị N nuôi dưỡng, khi ly hôn thì chị N tiếp tục nuôi con. Tại phiên tòa hôm nay, chị N giữ nguyên yêu cầu được tiếp tục nuôi con sau khi ly hôn. Xét thấy, trước đây chị N và anh T đã thỏa thuận được người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, đồng thời cháu Ngọc T chưa đủ 36 tháng tuổi nên nay chị N vẫn yêu cầu được tiếp tục nuôi con là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Anh T không trực tiếp nuôi con chung nên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Do Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N được tiếp tục nuôi con chung nên việc chị N yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng mỗi tháng ½ tháng lương cơ sở đến khi con chung đủ 18 tuổi, là phù hợp theo quy định quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về chia tài sản khi ly hôn:

+ Tại phiên hòa giải, anh T thừa nhận vợ chồng có tài sản chung là 10 chỉ vàng 24K (vàng 9,8 tuổi), hiện do anh T quản lý. Xét thấy, đây là sự thừa nhận của anh T nên chị N không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, nay chị N yêu cầu chia đôi số vàng, buộc anh T phải giao lại cho chị N 05 chỉ vàng 24K (vàng 9,8 tuổi) là phù hợp nên chấp nhận.

+ Đối với yêu cầu của anh T yêu cầu chị N giao lại cho anh được sở hữu ½ số tài sản do chị N quản lý là 01 bộ vòng simen trọng lượng 07 chỉ vàng 18K. Xét thấy, anh T là bị đơn có yêu cầu chia tài sản khi ly hôn nhưng vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do thì bị coi là từ bỏ yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản khi ly hôn của anh T.

- Về nợ chung: Chị N và anh T thống nhất không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 thì chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân, anh T phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, đồng thời chị N và anh T phải chịu án phí về chia tài sản khi ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 28, 35, 39, 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, 53, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

1. Về hôn nhân*:* Không công nhận chị Lê Nguyễn Kim N và anh Nguyễn Chí T là vợ chồng.

2. Về nuôi con: Chị Lê Nguyễn Kim N được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 28/11/2016.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc anh Nguyễn Chí T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lê Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 28/11/2016. Mức cấp dưỡng mỗi tháng là ½ tháng lương cơ sở tại thời điểm cấp dưỡng. Thời gian cấp dưỡng từ ngày 22/9/2017 đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

4. Về chia tài sản khi ly hôn:

- Buộc anh Nguyễn Chí T giao lại cho chị Lê Nguyễn Kim N 05 chỉ vàng 24K (vàng 9,8 tuổi). Anh Nguyễn Chí T được tiếp tục sở hữu 05 chỉ vàng 24K (vàng 9,8 tuổi).

- Đình chỉ đối với yêu cầu của anh Nguyễn Chí T về việc chia tài sản khi ly hôn là 07 chỉ vàng 18K.

5. Về nợ chung: Chị N và anh T trình bày không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

6. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Lê Nguyễn Kim N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) và án phí chia tài sản khi ly hôn là 887.500 đồng (tám trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp tổng cộng 1.170.000 đồng (một triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng) theo các biên lai số 15718 và 15719, cùng ngày 24/7/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh. Như vậy chị N còn phải nộp thêm 17.500 đồng (mười bảy nghìn năm trăm đồng).

- Anh Nguyễn Chí T phải chịu án phí chia tài sản khi ly hôn là 887.500 đồng (tám trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

- Sung công quỹ nhà nước số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) là tiền tạm ứng án phí mà anh Nguyễn Chí T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 15810, ngày 09/8/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

7. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Cao Lãnh;
- CC THADS H. Cao Lãnh;
- TAND tỉnh ĐT;
- UBND xã Bình Thạnh;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Phan Thị Phương Thảo